

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ GẠO  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 137/2020/DS-ST  
Ngày: 08-07-2020.  
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương Dung.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoa Kiều.
2. Ông Nguyễn Trung Trực.

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Nguyễn Ái Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 08 tháng 07 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 97/2020/TLST-DS ngày 05 tháng 05 năm 2020 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2020/QĐXX-ST ngày 10 tháng 06 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị BS, sinh năm 1961 (có mặt);

Địa chỉ: thị trấn C, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

2. Bị đơn:

- Ông Lê VB, sinh năm 1959 (vắng mặt);

- Bà Nguyễn Thị HN, sinh năm 1959 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TN, xã XD, huyện C, tỉnh Tiền Giang

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/3/2020 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị BS trình bày:

Vào khoảng tháng 09/2013, bà có bán thức ăn nuôi heo cho anh VB, chị HN, hai bên có làm hợp đồng tay thỏa thuận: Bà bán thức ăn nợ cho anh VB, chị HN sau 04 tháng xuất chuồng thanh toán đủ tiền thức ăn cho bà. Tính đến ngày 13/6/2017, anh VB, chị HN còn nợ lại bà số tiền là 210.594.000 đồng. Sau đó anh VB, chị HN mua chuyển hàng nào thì trả tiền chuyển đó, nhưng đến ngày 19/01/2020 nợ thêm 2.031.000 đồng.

Tổng cộng là 212.625.000 đồng.

Từ đó đến nay bà có đến nhà yêu cầu anh VB, chị HN trả tiền cho bà nhiều lần nhưng lần nào anh chị cứ hứa hẹn mà không chịu trả tiền cho bà. Nay bà yêu cầu buộc anh VB, chị HN trả cho bà số tiền là 212.625.000 đồng và có yêu cầu tính lãi theo lãi suất quá hạn của Ngân hàng nhà nước từ ngày 13/6/2017 đến ngày nộp đơn khởi kiện 25/03/2020 tạm tính là:

Từ ngày 13/06/2017 đến ngày 25/3/2020 là 33,5 tháng = 210.594.000 đồng x 0,83%/tháng x 33,5 tháng = 58.555.000 đồng.

Từ ngày 19/01/2020 đến ngày 25/3/2020 là 02 tháng = 2.031.000 đồng x 0,83%/tháng x 2 tháng = 33.000 đồng.

Tổng cộng vốn và lãi là: 212.625.000 đồng + 58.588.000 đồng = 271.213.000 đồng.

Yêu cầu ông Lê VB và bà Nguyễn Thị HN trả cho bà số tiền 271.213.000 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Theo bản tự khai đề ngày 21/5/2020 và ngày 08/7/2020, bị đơn bà Nguyễn Thị HN trình bày: Ngày 13/6/2017, bà và bà BS chốt nợ, bà còn nợ bà BS 210.594.000 đồng. Sau đó bà BS tiếp tục cho bà mua thức ăn, lúc này là mua với giá cao hơn để phụ tiền lãi ngân hàng của bà BS. Chốt lại đến ngày 19/01/2020, bà còn nợ bà BS số tiền 2.031.000 đồng. Tính đến nay, vợ chồng bà

còn nợ chị BS số tiền là 212.625.000 đồng. Bà đồng ý trả số tiền 212.625.000 đồng cho chị BS một lần vào tháng 12/2020. Về số lãi 58.588.000 đồng bà không đồng ý trả. Lý do bà chưa trả nợ là do heo bị bệnh chết hết. Lý do bà không trả lãi là lúc bà BS họp hết mấy chục người lại nói là từ lúc này chỗ thức ăn giá tiền mặt là phụ tiền lãi ngân hàng rồi, một phần nữa là heo chết hết quá khổ rồi, giờ bà xin trả vốn, không trả lãi.

\* Bị đơn ông Lê VB: Trong suốt quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê VB biết để tham gia theo quy định nhưng ông VB vẫn không có mặt để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, cũng không cung cấp chứng cứ hoặc có ý kiến bằng văn bản.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà Nguyễn Thị BS vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu ông Lê VB và bà Nguyễn Thị HN trả số tiền còn nợ là 212.625.000 đồng và tiền lãi của số tiền 210.594.000 đồng tính từ ngày 13/6/2017 đến ngày 25/03/2020, tiền lãi của số tiền 2.031.000 đồng tính từ ngày 19/01/2020 đến ngày 25/03/2020 với mức lãi suất 0,83%/ tháng, thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Lê VB đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê VB là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[1.2] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Hội đồng xét thấy theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị BS thì bà BS yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C giải quyết buộc ông Lê VB và bà Nguyễn Thị HN phải trả cho bà số tiền mua

bán thức ăn và tiền lãi. Ông Lê VB và bà Nguyễn Thị HN hiện cư trú tại ấp TN, xã XD, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C theo qui định tại Điều 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự và quan hệ pháp luật tranh chấp là "hợp đồng mua bán tài sản" qui định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 430 của Bộ luật dân sự.

[1.3] Về thời hạn, thời hiệu: Các đương sự không yêu cầu xem xét về thời hạn, thời hiệu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2]. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về số tiền nợ:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, bà Nguyễn Thị BS cung cấp bản chính giấy xác nhận nợ ngày 13/6/2017, hợp đồng thức ăn và sổ ghi chú quá trình mua bán thức ăn, có chữ ký và chữ viết của bà Nguyễn Thị HN. Đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị HN thừa nhận bà và ông VB có nợ bà BS số tiền mua bán thức ăn là 212.625.000 đồng. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, nên Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định bà Nguyễn Thị HN và ông Lê VB có nợ bà Nguyễn Thị BS số tiền mua bán thức ăn gia súc là 212.625.000 đồng.

Do đó cần buộc bà Nguyễn Thị HN và ông Lê VB có nghĩa vụ trả số tiền nợ thức ăn gia súc là 212.625.000 đồng cho bà Nguyễn Thị BS.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi:

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị HN thừa nhận, tính đến ngày 13/6/2017, bà HN và ông VB còn nợ bà BS số tiền 210.594.000 đồng. Ngoài số tiền nêu trên, ngày 19/01/2020 bà HN và ông VB có tiếp tục mua thức ăn gia súc và còn nợ thêm số tiền 2.031.000 đồng. Đồng thời từ lúc chốt nợ đến nay bà HN và ông VB chưa trả tiền nợ thức ăn cho bà BS, nguyên nhân là do dịch bệnh gia đình gặp khó khăn.

Về việc bà HN cho rằng sau ngày 13/6/2017, sau khi chốt nợ với bà BS số tiền 210.594.000 đồng, bà có tiếp tục mua thức ăn của bà BS trả bằng tiền mặt

với giá cao với lý do bà BS có hợp lại nhiều người nói rằng việc mua với giá cao hơn để phụ bà BS trả lãi ngân hàng nên bà HN không đồng ý trả lãi cho bà BS, việc này chỉ nói miệng, bà HN không đưa ra chứng cứ để chứng minh. Phía bà BS cũng không thừa nhận.

Căn cứ Điều 440 Bộ luật dân sự, việc bà BS yêu cầu bà HN và ông VB trả lãi là có căn cứ.

Căn cứ theo quy định tại Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Điều 154, Điều 357, Điều 429, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, yêu cầu của bà BS về việc tính lãi với lãi suất 0,83%/ tháng là có cơ sở để chấp nhận.

Số tiền lãi bà HN và ông VB có trách nhiệm trả cho bà BS là:

- Số tiền 210.594.000 đồng tính từ ngày 13/6/2017 đến ngày 25/03/2020:  
 $210.594.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 33 \text{ tháng} 12 \text{ ngày} = 58.380.900 \text{ đồng}.$

- Số tiền 2.031.000 đồng tính từ ngày 19/01/2020 đến ngày 25/03/2020:  
 $2.031.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 2 \text{ tháng} 6 \text{ ngày} = 37.086 \text{ đồng}.$

Tổng cộng vốn và lãi là:  $212.625.000 \text{ đồng} + 58.417.986 \text{ đồng} = 271.042.986 \text{ đồng}.$

[2.3] Xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị BS yêu cầu ông Lê VB và bà Nguyễn Thị HN có nghĩa vụ trả số tiền 212.625.000 đồng và tiền lãi 58.417.986 đồng, thời gian trả tiền ngay khi án có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Theo bản tự khai, bà Nguyễn Thị HN yêu cầu được trả số tiền 212.625.000 đồng vào tháng 12/2020, nhưng không được bà BS đồng ý. Đồng thời, trong quá trình thực hiện hợp đồng đến nay bà BS đã đến đòi nhiều lần nhưng đến nay ông VB và bà HN vẫn chưa thanh toán là vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho bà BS nên đã xâm phạm đến quyền lợi của bà BS. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị BS nhận thấy cần buộc ông Lê VB và bà Nguyễn Thị HN có nghĩa vụ trả số tiền nợ thức ăn gia súc 212.625.000 đồng và

tiền lãi 58.417.986 đồng, tổng cộng là 271.042.986 đồng ngay khi án có hiệu lực pháp luật;

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị BS không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lê VB và bà Nguyễn Thị HN phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 184, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 267, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 154, Điều 357, Điều 429, Điều 430, Điều 440 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị BS.

Buộc ông Lê VB và bà Nguyễn Thị HN có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị BS số tiền 271.042.986 đồng (Hai trăm bảy mươi một triệu không trăm bốn mươi hai ngàn chín trăm tám mươi sáu đồng) ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ theo nội dung quyết định này thì hàng tháng phải trả tiền lãi theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê VB và bà Nguyễn Thị HN phải chịu 13.552.149 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Nguyễn Thị BS số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.780.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0003612 ngày 27 tháng 04 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

3. Bà Nguyễn Thị BS và bà Nguyễn Thị HN có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Ông Lê VB được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Thị Phương Dung**